

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/DS-ST
Ngày 03 tháng 8 năm 2022
*V/v tranh chấp “liên quan
đến tài sản bị cưỡng chế để thi
hành án theo quy định của
pháp luật về thi hành án dân
sự”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tất Ái.
2. Bà Lê Thị Thu Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thoảng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 10/3/2021 về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Duy H, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A, sinh năm: 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Số G đường Đ, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Dương Thị Tuyết T, sinh năm: 1956; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Dương Hồ Đp, sinh năm: 1979; (xin vắng mặt)
2. Dương Thị Như R, sinh năm: 1979; (xin vắng mặt)
3. Dương Minh K, sinh năm: 1983; (xin vắng mặt)
4. Nguyễn Văn P, sinh năm: 1981; (xin vắng mặt)
5. Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm: 1991; (có mặt)

6. Nguyễn Văn L, sinh năm: 1955; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.
7. Dương Thị C, sinh năm: 1919, chết năm 2020.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Dương Thị C: Bà Dương Thị Tuyết T, sinh năm: 1956; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

8. Mai Ngọc Khánh T, sinh năm: 1983; (có mặt)
Địa chỉ: Số H đường B, Phường T, TP M, tỉnh Tiền Giang.
Tạm trú: Số A ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

9. Võ Thị Kim N, sinh năm: 1980; (có mặt)
Địa chỉ: Số F, đường V, Ấp Z, xã Đ, TP M, tỉnh Tiền Giang.

10. Cù Hiếu P, sinh năm: 1964; (có mặt)
Địa chỉ: Số A đường M, Phường N, TP M, tỉnh Tiền Giang.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Kim N và bà Cù Hiếu P: Luật sư Võ Trọng K - Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng Luật sư Võ Trọng K - Số H đường K, Phường Q, TP M, tỉnh Tiền Giang.

11. Nguyễn Khánh L – Chức vụ: Chấp hành viên Chi cục thi hành dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. (theo văn bản ủy quyền ngày 06/12/2021). (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M, TP M, tỉnh Tiền Giang.

12. Phạm Thị B. (vắng mặt)
Địa chỉ: Số C tổ R, Khu phố K đường G, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

13. Dương Thị Tuyết N, sinh năm: 1972; (có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã P, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị Tuyết N: Luật sư Trần Thanh K - Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Trần Thanh K - Số Q1 đường X, Phường C, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

14. Ông Lê Quang H, sinh năm: 1960; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã C1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Duy H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A thống nhất trình bày:*

Anh Nguyễn Duy H là con ruột bà Dương Thị Tuyết T, là cháu ngoại bà Dương Thị C.

Thành viên hộ gia đình có 09 người gồm: Dương Thị C chủ hộ, bà Dương Thị Tuyết T, ông Nguyễn Văn L, Dương Hồ Đ, Dương Thị R, Dương Minh K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Thanh P và Nguyễn Duy H.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1544 QSDĐ/LA do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/12/1998 là cấp cho hộ bà Dương Thị Tuyết T, cụ thể các thửa đất sau:

- Thửa 1115, tờ bản đồ 02, diện tích 2.617m², mục đích T + Q, thửa 1115 giảm 233m² do tách thành thửa 2578, diện tích 233m², mục đích đất ở nông thôn được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận ngày 22/11/2007 cho hộ bà Dương Thị Tuyết T và ông Nguyễn Văn L;

- Thửa 1156, tờ bản đồ 02, diện tích 1.317m², mục đích T + Q;

- Thửa 1310, tờ bản đồ 02, diện tích 1.860m², mục đích T + Q;

Những thửa đất trên trước đây bà ngoại anh là bà Dương Thị C đã khởi kiện yêu cầu chia đất cho hộ nhưng khi đang giải quyết bà ngoại mất, vụ án bị đình chỉ.

Ngày 23/02/2021, anh H nhận được thông báo số 122/TB/CCTHADS của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, thông báo về việc tiếp tục xử lý 04 thửa đất trên để thi hành án.

Do đó, nay anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định 04 thửa đất gồm:

- Thửa 1115, tờ bản đồ 02, diện tích 2.617m², mục đích T + Q, thửa 1115 giảm 233m² do tách thành thửa 2578, diện tích 233m², mục đích đất ở nông thôn được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận ngày 22/11/2007;

- Thửa 1156, tờ bản đồ 02, diện tích 1.317m², mục đích T + Q;

- Thửa 1310, tờ bản đồ 02, diện tích 1.860m², mục đích T + Q;

Tổng diện tích 04 thửa đất kể trên là 5794m² là đất cấp cho hộ gia đình, thành viên trong hộ có 09 người gồm: Bà Dương Thị C chủ hộ, bà Dương Thị Tuyết T, ông Nguyễn Văn L, Dương Hồ Đ, Dương Thị R, Dương Minh K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Thanh P và Nguyễn Duy H.

Yêu cầu phân chia giá trị tài sản là quyền sử dụng đất cho từng thành viên trong hộ đối với các thửa đất sau: Tổng diện tích 04 thửa đất trên là 5.794m², giá tạm tính 70.000 đồng/m², tổng giá trị 405.580.000 đồng, chia làm 09 phần bằng nhau, giá trị mỗi phần là 45.064.000 đồng cho Dương Thị Tuyết T, Nguyễn Văn L, Dương Hồ Đ, Dương Thị R, Dương Minh K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Thanh P, Nguyễn Duy H và Dương Thị C (phần bà C đã chết thì chia theo di chúc).

* *Bị đơn bà Dương Thị Tuyết T trình bày:* Những thửa đất trên do gia đình bà cùng góp tiền mua, trong đó tiền của bà Dương Thị C là mẹ bà bỏ ra nhiều hơn. Sau khi mua đất, bà C và thành viên trong hộ quyết định để bà đại diện hộ gia đình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ gia đình.

Theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai thì những người cùng huyết thống sống chung một nhà nên không cần phải chứng minh công sức đóng góp. Do đó, với yêu cầu khởi kiện của anh H bà đồng ý.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim N và bà Cù Hiếu P trình bày:* Hai bà là người được thi hành án theo Quyết định thi hành án số 888/QĐ-THA ngày 05/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho và Quyết định thi hành án số 232/QĐ-THA ngày 29/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, người phải thi hành án là bà Dương Thị Tuyết T.

Bà Dương Thị Tuyết T là người quản lý sử dụng diện tích đất 5.794m², thửa đất số 1115, 1156, 1310, tờ bản đồ số 02, tại ấp L, xã P, tp M theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Dương Thị Tuyết T ngày 08/12/1998.

Theo thông báo về việc thi hành án số 167/TB-CCTHA ngày 24/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho thì quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Dương Thị Tuyết T ngày 08/12/1998, thửa số 1115, tờ bản đồ 02 có diện tích 2.617m²; Thửa số 1310, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.860m² và số 1156, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.317m² là của cá nhân bà Dương Thị Tuyết T.

Theo công văn trả lời số 95/TL-VPĐK ngày 09/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang cũng xác định quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Dương Thị Tuyết T ngày 08/12/1998, thửa số 1115, tờ bản đồ 02 có diện tích 2.617m²; Thửa số 1310, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.860m² và số 1156, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.317m² là của cá nhân bà Dương Thị Tuyết T.

Trên thực tế bà T sử dụng ổn định các thửa đất trên từ khi được cấp giấy cho đến nay không có tranh chấp với ai.

Tuy nhiên, để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, bà T xúi giục mẹ bà T là bà Dương Thị C khởi kiện chia tài sản trong hộ, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vụ án đã được Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho giải quyết bằng Quyết định đình chỉ số 75/2020/QĐST-DS ngày 30/7/2020 và được Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết phúc thẩm bằng quyết định số 450/2020/QĐ-PT ngày 11/12/2020.

Hiện nay, việc anh H tiếp tục khởi kiện chia tài sản chung trong hộ nhằm kéo dài việc thi hành án, né tránh việc thi hành án của bà T, gây khó khăn ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của hai bà. Do đó, hai bà đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Hồ Đ, Dương Thị Như R, Dương Minh K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Thanh P thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.*

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Mai Ngọc Khánh T trình bày:* Ông là người nay đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Dương Thị Tuyết T ngày 08/12/1998, thửa số 1115, tờ bản đồ 02 có diện tích 2.617m²; Thửa số 1310, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.860m² và số 1156, tờ bản đồ 02 có diện tích 1.317m². Lý do, năm 2010 bà T thiếu tiền đáo hạn ngân hàng, mới thỏa thuận bán cho ông 2.000m² trong tổng 5.794m² đất kể trên với giá 500.000.000 đồng. Ông đã chôn tiền đủ cho T và rút sổ đỏ từ ngân hàng về. Tuy nhiên, hai bên chưa kịp làm hợp đồng chuyển nhượng thì bị bà Cù Hiếu P và bà Võ Thị Kim N ngăn chặn. Sau đó ông có khởi kiện bà T và ông L đòi lại tiền chuyển nhượng. Sự việc đã được Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho giải quyết bằng Bản án số 79/2013/DSST ngày 20/8/2013, nội dung bản án, Tòa án buộc bà T và ông L

trả cho ông số tiền vốn 420.000.000 đồng, tiền lãi 113.550.000 đồng, tổng cộng 533.550.000 đồng. Tuy nhiên đến nay bà T, ông L vẫn chưa thi hành án. Nay với yêu cầu khởi kiện của anh H, ông không đồng ý.

* Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng A là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Luật sư Võ Trọng K, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị Kim N và bà Cù Hiếu P trình bày: Các thửa đất tranh chấp nêu có nguồn gốc từ bà C, thì anh H chỉ là cháu, không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà C. Bên cạnh đó, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/1998 do UBND huyện C cấp cho bà Dương Thị Tuyết T chứ không phải cấp cho hộ và theo các công văn của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tiền Giang xác định đây là tài sản của cá nhân. Năm 2010, bà T có nợ và có bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án có quyết định thi hành án, đến năm 2011 bà T mới có đơn đề nghị trả lời đất là cấp cho hộ hay cá nhân. Năm 2016, 2017, bà C kiện bà T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bà C chết, anh H làm đơn khởi kiện bà T yêu cầu xác định đất cho hộ và yêu cầu chia, nhưng vào thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh H mới có 09 tuổi. Như vậy, có thể xác định mục đích bà T yêu cầu xác định đất cấp cho hộ hay cá nhân là nhằm mục đích kéo dài việc thi hành và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, đề nghị hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị Tuyết N trình bày: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định các thửa đất tranh chấp cấp cho hộ, nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh vào thời điểm năm 1998 hộ gia đình gồm có những ai. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của các đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn anh Nguyễn Duy H khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định các thửa đất là thửa 1115, thửa 1156, thửa 1310, tổng diện tích 5.794m² tại ấp L, xã P, thành phố M là đất cấp cho hộ gia đình; Yêu cầu phân chia cho các thành viên trong hộ. Xét thấy, các thửa đất tranh chấp hiện nay đã bị Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho kê biên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bà Dương Thị Tuyết T theo quyết định cưỡng chế thi hành án án số 30/QĐ.THA ngày 25/5/2011 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho và Biên bản kê biên tài sản ngày 09/6/2011 (Bl 81). Do đó, Hội đồng xét xử xác

định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” theo quy định tại Điều 75 Luật thi hành án dân sự và khoản 12 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tranh chấp được cấp năm 1998 và năm 2007 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Hồ Đ, Dương Thị Như R, Dương Minh K, Nguyễn Văn P có đơn xin giải quyết vắng mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L, Phạm Thị B vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự kê trên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*: Anh Nguyễn Huy H cho rằng Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do UBND huyện C cấp ngày 08/12/1998 cho Dương Thị Tuyết T gồm các thửa sau:

- Thửa đất số 1115, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.617m², loại đất T+Q (đến ngày 22/11/2007 điều chỉnh giảm 233m² do tách thửa. Thửa mới 2578, tờ bản đồ số 02, diện tích 233m², loại đất ở nông thôn do UBND huyện C cấp ngày 22/11/2007 cho hộ bà Dương Thị Tuyết T và ông Nguyễn Văn L);

- Thửa đất số 1155, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.317m², loại đất T+Q;

- Thửa đất số 1310, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.860m², loại đất T+Q;

Là đất cấp cho hộ gia đình, là tài sản chung của hộ gia đình gồm 09 thành là Dương Thị C chủ hộ, bà Dương Thị Tuyết T, ông Nguyễn Văn L, Dương Hồ Đ, Dương Thị R, Dương Minh K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị Thanh P và Nguyễn Duy H. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T là mẹ anh Nguyễn Duy H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Những người có quyền lợi liên quan gồm Cù Hiếu P, Võ Thị Kim N, Mai Ngọc Khánh T, Dương Thị Tuyết N, Lê Quang H là những người được thi hành án không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp.

Xét thấy, công văn số 112/VPĐKQSDĐ ngày 11/02/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng tài nguyên môi trường thành phố Mỹ Tho (B1 293) và Công văn số 1763/CNVPĐK-TTLT ngày 16/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Mỹ Tho (B1294) xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Dương Thị Tuyết T đối với thửa 1310, 1156, 1115, tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp L, xã A, huyện C (nay là ấp L, xã P, thành phố M) là cấp cho hộ bà Dương Thị Tuyết T.

Công văn số 558/VPĐKĐĐ ngày 27/6/2016 và Công văn số 95/TL-VPĐK ngày 09/02/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Tỉnh Tiền Giang lại xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Dương Thị Tuyết T đối với thửa 1310, 1156, 1115, tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp L, xã A, huyện C (nay là ấp L, xã P, thành phố M) là cấp cho cá nhân bà Dương Thị Tuyết T.

Căn cứ hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Mỹ Tho cung cấp thể hiện nguồn gốc thửa 1310 diện tích 1.860m² trước năm 1975 do bà Trần Thị P sử dụng,

đến năm 1989 bà P sang lại cho Dương Thị Tuyết T (BL 291). Nguồn gốc thửa 1115, diện tích 2.617m² trước năm 1975 do bà Dương Thị C sử dụng cho đến năm 1994 để lại cho con Dương Thị Tuyết T sử dụng. Tại đơn xin đăng ký biến động về sử dụng đất bà T cũng ghi thửa 1115, diện tích 2.617m² “sử dụng ổn định trước 1975”, xin giảm 233m² nguồn gốc sử dụng đất “Do bà Dương Thị Tuyết T sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến nay”. Tại trang sổ địa chính số 29 Quyền số 12 ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Giám đốc sở Địa chính phê duyệt ngày 22/12/2000 tên Dương Thị Tuyết T, họ tên chồng: Nguyễn Văn L; Tại trang sổ mục kê của thửa 1115 ghi tên Dương Thị Tuyết T.

Như vậy, nguồn gốc các thửa đất tranh chấp đều thể hiện do bà Dương Thị Tuyết T đăng ký sử dụng từ trước 1975 đến nay. Do đó, Văn phòng đăng ký đất đai Tỉnh Tiền Giang xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Dương Thị Tuyết T đối với thửa 1310, 1156, 1115, tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp L, xã A, huyện C (nay là ấp L, xã P, thành phố M) là cấp cho cá nhân bà Dương Thị Tuyết T theo Công văn số 558/VPĐKĐĐ ngày 27/6/2016 và công văn số 95/TL-VPĐK ngày 09/02/2017 là đúng quy định pháp luật,

Căn cứ nguồn gốc đăng ký sử dụng, quá trình sử dụng đất, văn bản trả lời của Văn phòng đăng ký đất đai Tỉnh Tiền Giang có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01544 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Dương Thị Tuyết T ngày 08/12/1998 đối với thửa 1310, 1156, 1115, tờ bản đồ số 02 tọa lạc ấp L, xã A, huyện C (nay là ấp L, xã P, thành phố M) là cấp cho cá nhân bà Dương Thị Tuyết T.

Việc nguyên đơn anh Nguyễn Duy H nại rằng quyền sử dụng đất kể trên là đất cấp cho hộ gia đình, là tài sản chung của hộ gia đình là không có căn cứ bởi:

- Điều 108 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “Tài sản chung của hộ gia đình gồm quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, rừng trồng của hộ gia đình, tài sản ***do các thành viên đóng góp, cùng nhau tạo lập nên*** hoặc được tặng cho chung, được thừa kế chung và các tài sản khác mà các thành viên thoả thuận là tài sản chung của hộ”. Theo hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất bà T ghi nguồn gốc đất “thửa 1310 diện tích 1.860m² trước năm 1975 do bà Trần Thị P sử dụng, đến năm 1989 bà P sang lại cho Dương Thị Tuyết T”, như vậy thời điểm 1989 anh H mới sinh ra đời thì không thể cho rằng có đóng góp, tạo lập nên tài sản. Hơn nữa thời điểm bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ngày 08/12/1998, lúc này anh H cũng mới 09 tuổi, theo phong tục tập quán của người Việt Nam thì con còn nhỏ chưa thành niên đều do cha mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị Tuyết T cũng thừa nhận thời điểm năm 1998 anh H mới 9 tuổi chưa làm gì tạo ra kinh tế. Do đó, không có căn cứ để xác định anh H có công sức đóng góp trong các thửa đất nói trên.

- Anh H cho rằng thời điểm năm 1998 hộ bà T gồm 09 thành viên cũng không đúng theo xác nhận của Công an thành phố Mỹ Tho cung cấp. Thời điểm

năm 1998 hộ bà C chỉ có 08 người không có ông Nguyễn Văn L, và bà Dương Thị Tuyết T là thành viên trong hộ, chủ hộ là bà Dương Thị C. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng anh H, bà T và các thành viên trong hộ có quan hệ huyết thống là hộ gia đình sử dụng đất theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai nên các thửa đất kể trên thuộc tài sản chung của các thành viên trong hộ là không đúng quy định pháp luật. Việc hộ gia đình sử dụng đất theo khoản 29 Điều 3 Luật đất đai không đồng nghĩa với quyền sử dụng đất đó là tài sản chung của các thành viên trong hộ. Tài sản chung của hộ gia đình phải là tài sản do các thành viên cùng đóng góp và tạo lập theo quy định tại Điều 108 Bộ luật dân sự.

- Việc anh H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong hộ, bà T thống nhất các thửa đất trên là đất cấp cho hộ gia đình chỉ nhằm kéo dài việc thi hành án của bà T. Bởi thực tế hiện nay bà T đang phải thi hành án cho nhiều bản án, nhiều khoản tiền. Cụ thể, bà T phải thi hành án cho bà Võ Thị Kim N số tiền 1.332.000.000 đồng; Cho Ông Lê Quang H số tiền 1.927.785.000 đồng; Cho bà Dương Thị Tuyết N số tiền 290.803.800 đồng; Cho bà Phạm Thị B số tiền 61.695.500 đồng; Cho bà Cù Hiếu P số tiền 136.092.373 đồng; Bà T và ông L phải thi hành án cho ông Mai Ngọc Khánh T số tiền 533.550.000 đồng. Việc bà T phải thi hành án những khoản nợ trên đã được cơ quan thi hành án thành phố Mỹ Tho thụ lý giải quyết từ năm 2011 nhưng vì gia đình bà T có yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong hộ dẫn đến kéo dài nhiều năm nay. Rõ ràng bà T có điều kiện để thi hành án nhưng cùng với anh H thống nhất các quyền sử dụng đất kể trên là đất cấp cho hộ, là tài sản chung của 09 thành viên trong hộ chỉ nhằm né tránh, kéo dài việc thi hành án, gây thiệt hại cho những người được thi hành án.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lập luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cù Hiếu P và bà Võ Thị Kim N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Lập luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Dương Thị Tuyết N phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh thu thập chứng cứ là 3.000.000 đồng, chi phí đo đạc là 7.600.000 đồng, chi phí định giá tài sản là 25.000.000 đồng, tổng cộng là 35.600.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của anh H không được chấp nhận nên anh H phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, anh H đã nộp tạm ứng các khoản chi phí trên nên xem như đã nộp xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; Điều 147; Điều 244; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 106, 108 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 75 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy H.

3. Về chi phí tố tụng là 35.600.000 (*ba mươi lăm triệu sáu trăm ngàn*) đồng anh Nguyễn Duy H đã nộp, xem như đã thực hiện xong.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Duy H phải chịu 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh H đã nộp 1.100.000 (*một triệu một trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0004941 ngày 10/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, nên được hoàn lại 800.000 (*tám trăm ngàn*) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- CCTHADS TP Mỹ Tho;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hằng

